

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 35/2022/HS-ST

Ngày 28-7-2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Cường

2. Bà Phan Thị Mấy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Sùng A S - Sinh năm 1975; Tên gọi khác: Không

Nơi sinh: Xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La

Nơi ĐKKHKT: Bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Sùng A P, đã chết; Con bà: Giàng Thị D, sinh năm 1927; Vợ: Mùa Thị D, sinh năm 1978; Con có 05 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/3/2022 chuyển tạm giam từ ngày 12/3/2022, hiện đang bị Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát. Có mặt.

2. Họ và tên: Sùng A S1 - Sinh ngày 18/8/2003; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT: Bản Cánh Cộng, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn:

5/12; Con ông: Sùng A S2, sinh năm 1973; Con bà: Hồ Thị M, sinh năm 1976; Vợ con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/3/2022 chuyển tạm giam từ ngày 12/3/2022, hiện đang bị Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát. Có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:** Ông Hà Văn Khôi, Trợ giúp viên pháp lý – Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Sùng A C, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*** Người phiên dịch cho bị cáo Sùng A S:** Ông Lâu Văn Q, sinh năm 1993. Trú tại: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ, ngày 06/3/2022 khi S đang ở nhà tại bản Tà Cóm, xã Trung Lý thì có Sùng A S1 đến nhà chơi. Tại nhà S, do bị nghiện chất ma túy nên S đã rủ S1 đi bản Khảm Nàng - Lào để mua ma túy về sử dụng, tiền mua ma túy do S chuẩn bị và S sẽ gọi điện thoại để hỏi mua ma túy trước. Hai người thống nhất là S1 đi bộ đi trước, còn S sẽ điều khiển xe mô tô đi sau và hẹn gặp nhau tại ngã 3 tiếp giáp giữa bản Cánh Cống và bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát để cùng đi. Sau khi S1 đi thì S gọi điện thoại cho người đàn ông tên T là người quen của S (trước đó S đi làm thuê nên quen biết T) sống ở Nước CHDCND Lào để hỏi, thỏa thuận việc mua bán và địa điểm giao, nhận ma túy. Khoảng 12 giờ cùng ngày, S điều khiển xe mô tô BKS: 36K1-06935 đến điểm hẹn đón S1 cùng đi. S và S1 đến bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì mua và đổ xăng vào xe, sau đó đi đến bản Kéo Té, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát thì để xe vào lề đường (Quốc lộ 15C) rồi cùng nhau đi bộ theo đường mòn đến khu vực bờ suối trong rừng giáp danh giữa Việt Nam và Lào là điểm hẹn mua bán ma túy. Gần đến điểm hẹn, S dùng điện thoại bàn phím bấm, màu đen gọi điện cho T và đưa cho S1 mượn để nói với T nhanh chóng mang ma túy đến. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T đến điểm hẹn đưa ma túy cho S, S nhận ma túy và đưa 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho T, sau đó T đi đâu S và S1 không biết. Nhận được ma túy S và S1 lấy ra một ít để sử dụng. Sử dụng xong ma túy, S và S1 đợi trời tối thì quay về, trên đường đi về gần đến vị trí để xe mô tô, S đưa số ma túy còn lại cho S1 cầm, S1 bỏ ma túy vào trong quần sịp đang mặc, còn S đi trước quan sát và đề phòng có người phát hiện. Khi gần đến Quốc lộ 15C thì S bị Tổ công tác Đoàn biên phòng Pù Nhi phối hợp với Công an xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Thấy S bị kiểm tra, S1 đi sau đã bỏ chạy nhưng đã bị bắt ngay sau đó.

Qua kiểm tra, Tổ công tác đã thu giữ toàn bộ số ma túy mà Sáng cất giấu trong quần sịp của S1 đang mặc, đây là số ma túy S và S1 vừa mua được và đã sử dụng đi một ít.

Tại bản Kết luận giám định số: 992/KL-KTHS, ngày 09/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

Chất màu trắng dạng cục vụn của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 79,214g (Bảy chín phẩy hai một bốn gam) loại: Heroine.

Quá trình điều tra bị cáo Sùng A S và Sùng A S1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKS-ML ngày 07/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố: Bị cáo Sùng A S và Sùng A S1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo khẳng định không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Tuyên: Bị cáo Sùng A S và Sùng A S1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với cả 02 bị cáo;

Hình phạt chính: Đối với bị cáo Sùng A S từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù; Đối với bị cáo Sùng A S1 từ 11 năm đến 11 năm 06 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì các bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp, gia đình là hộ nghèo nên không có tính khả thi.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành;

Trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA RSX màu xanh đen, BKS 36K1 – 069.35 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Sùng A C.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với: 01 điện thoại màu xanh đen, nhãn hiệu Masstel và 01 điện thoại màu đen, nhãn hiệu Masstel thu giữ của bị cáo Sùng A S, vì đây là công cụ, phương tiện bị cáo liên lạc để mua ma túy.

Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho cả 02 bị cáo, vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc diện hộ nghèo.

Cả hai Bị cáo đều xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân đều là người nghiện chất ma túy, không kìm chế được hành vi, nên các bị cáo cùng nhau đi mua ma túy đem về để sử dụng dần, không nhằm mục đích nào khác; các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng và không khai báo thêm tình tiết mới.

Quan điểm của người bào chữa: Người bào chữa cho các bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng đối với từng bị cáo theo bản cáo trạng. Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét đến thái độ của các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đồng thời, các Bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên dẫn đến hạn chế về nhận thức pháp luật, đồng thời cũng là nạn nhân của tệ nạn ma túy; Nên đề nghị HĐXX, xử bị cáo Giàng A S 12 năm tù, bị cáo S1 11 năm tù, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình, xã hội, trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Vì các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, làm nương rẫy, không có thu nhập thường xuyên và đều là người nghiện ma túy.

Tại phiên tòa các Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, đồng tình với lời bào chữa của người bào chữa, không bổ sung thêm gì.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sùng A C: Chiếc xe máy BKS 36K1 – 069.35 đăng ký tên anh, nhãn hiệu Honda RSX, chiếc xe máy này bố anh mua cho anh vào năm 2018 với giá là 26.000.000đ (Hai sáu triệu đồng) bằng tiền của gia đình anh. Việc bố anh là Sùng A S lấy xe máy đi và tàng trữ trái phép chất ma túy anh không hề hay biết, bố anh cũng không nói cho anh biết là lấy xe máy đi làm việc gì. Nay gia đình chỉ có chiếc xe máy là có giá trị lớn nhất, phục vụ việc đi lại của cả gia đình anh, nên đề nghị HĐXX cho anh được xin lại chiếc xe máy này để làm phương tiện đi lại.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, nên đã rất ân hận về việc làm sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng một mức án thấp nhất có thể, để sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đề nghị của người bào chữa, đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và lời nói sau cùng của các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa. Bị cáo; người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản lấy mẫu giám định; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; phù hợp thời gian, địa điểm và chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Sùng A S và Sùng A S1 tàng trữ 79,214g (Bảy chín phẩy hai trăm mười bốn gam) heroine, mục đích để sử dụng, ngoài ra không có mục đích nào khác. Với tính chất vụ án, hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhân thân, số lượng ma túy thu giữ của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 điều 249 Bộ luật hình sự, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, luận tội của Kiểm sát viên và lời khai nhận tội của các bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, vì các bị cáo đều là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết ma túy là chất gây nghiện, bị pháp luật nghiêm cấm, khi người sử dụng sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào ma túy, ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần và đồng thời cũng có thể là tác nhân phát sinh những tội phạm khác, nhưng các bị cáo vẫn cố ý tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân, hành vi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an trên địa bàn vùng biên giới. Đây là vụ án đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người nghiện chất ma túy, người có tiền, có phương tiện, người thì giúp sức tích cực để thực hiện hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần

hình phạt cho cả 02 bị cáo, để các bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật. Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, cho các bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 “Người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo”. Với đề nghị này thì HĐXX không chấp nhận cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ, mà tình tiết này chỉ xem xét để áp dụng hình phạt bổ sung và án phí sơ thẩm cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy: Cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của các bị cáo gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để các bị cáo có thời gian cai nghiện chất ma túy. Đối với vụ án này, khi xem xét hình phạt cần phân loại tội phạm đối với từng bị cáo. Đối với bị cáo Sùng A S là người khởi xướng việc đi mua ma túy, có tiền, có phương tiện, là người liên hệ mua bán ma túy nên sẽ phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Sùng A S1, còn Sáng là người giúp sức nên sẽ chịu mức án nhẹ hơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Mường Lát thực hành quyền công tố tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo phù hợp với định lượng ma túy thu giữ, tính chất vụ án, nhân thân người phạm tội, nên HĐXX chấp nhận đề nghị này.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, thì HĐXX sẽ xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt, đảm bảo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, không trái quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^d đến 500.000.000^d.....”. Nhưng theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, cho thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo đều là hộ nghèo của xã Trung Lý, huyện Mường Lát. Nên, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu Honda RSX, BKS 36K1-069.35 đây không phải là phương tiện phạm tội và là tài sản hợp pháp của anh Sùng A C. Nên HĐXX quyết định trả lại chiếc xe máy này cho anh Sùng A C.

Đối với 01 chiếc điện thoại màu xanh đen, nhãn hiệu Masstel và 01 chiếc điện thoại màu đen, nhãn hiệu Masstel thu giữ của bị cáo Sùng A S, điện thoại này bị cáo

dùng để liên lạc mua ma túy, nên đây là công cụ, phương tiện phạm tội. HĐXX quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước là hợp lý.

[8] Về án phí: Các Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông tên Tông theo lời khai của Sùng A Su và Sùng A Sáng là người đã bán ma túy cho Su và Sáng, các bị cáo chỉ biết là người Lào. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không đủ thẩm quyền để xác minh làm rõ, để xử lý ở vụ án này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với cả 02 bị cáo

Tuyên bố: Bị cáo Sùng A S và Sùng A S1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Sùng A S 12** (Mười hai) năm **06** (Sáu) tháng tù; Xử phạt Bị cáo **Sùng A S1 11** (Mười một năm) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (06/3/2022).

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 01 phong bì bằng giấy có viền màu xanh đỏ mặt trước phong bì ghi dòng chữ vụ Sùng A S1, Sùng A S. Mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữa ký ghi rõ họ tên Lê Minh T, Nguyễn Đình C và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự làm giáp lai.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại màu xanh đen, nhãn hiệu Masstel, IML1 354199112680782, số IML2 354199112980786, kèm theo sim điện thoại có seri 89840480000830038681, máy đã qua sử dụng và 01 điện thoại màu đen, nhãn hiệu Masstel, số IML1 357620049388485, IML2 355635048389484 kèm theo sim điện thoại số seri 8984048000300338681, điện thoại đã qua sử dụng, thu giữ của Sùng A S.

Trả lại: 01 xe máy, nhãn hiệu Honda RSX, BKS 36K1 – 069.35, số máy: JA38E0353212, số khung: HLHJA3801GY726032, yên rách, xe không có hộp xích, xe đã qua sử dụng, cho anh Sùng A C, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Vật chứng trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát theo biên bản giao nhận vật chứng số 44/NK-2022 ngày 07/7/2022 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sùng A S và Sùng A S1.

Kháng cáo, Kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt các bị cáo; Người bào chữa cho các bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Mường Lát;
- Nhà tạm giữ - Công an huyện Mường Lát;
- Bộ phận hồ sơ - Công an huyện Mường Lát
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, huyện Mường Lát;
- Các Bị cáo
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

